

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

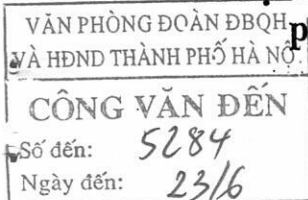
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **243** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **16** tháng **6** năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị quyết quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục
phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội**



Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Thông báo số 13/TB-HĐND ngày 08/5/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thời gian, nội dung, chương trình tổ chức kỳ họp thường lệ giữa năm 2023 (kỳ họp thứ 12) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Công văn số 116/HĐND-VHXXH ngày 9/6/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố,

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, gồm các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Luật Giá ngày 20/6/2012;

Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP);

Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá (Nghị định số 177/2013/NĐ-CP);

Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP (Nghị định số 149/2016/NĐ-CP);

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP);

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hành hóa, dịch vụ (Thông tư số 25/2014/TT-BTC);

Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó mục tiêu cụ thể nêu:

“Giai đoạn đến năm 2021:

- Giảm mạnh về đầu mối, tối thiểu bình quân cả nước giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015. Cơ bản chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

- Phần đầu có 10% đơn vị tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2011-2015.

- Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp”.

Căn cứ khoản 3 Điều 19 Luật giá năm 2012, quy định: 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được quy định như sau: ... c) Định khung giá và mức giá cụ thể đối với: ...dịch vụ giáo dục, đào tạo tại ... cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP:

+ Tại khoản 3 Điều 3, quy định: “*Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước là dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ*”.

+ Tại khoản 2 Điều 5 và Biểu số 01 thuộc Phụ lục 1, quy định về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo có: *Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông*.

+ Tại khoản 1 Điều 8, quy định:

“1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) *Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện giao nhiệm vụ: Căn cứ số lượng, khối lượng nhiệm vụ; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền phê duyệt dự toán kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện.*

b) *Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng: Phương pháp định giá, cơ quan có thẩm quyền định giá và trình tự định giá, đơn giá theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định: “*Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế Cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.*

Việc bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và lộ trình điều chỉnh tính đủ các chi phí hình thành giá dịch vụ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”;

Căn cứ Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định:

“1. Đối với dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Đơn giá tối đa thực hiện đặt hàng dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp xác định bằng mức trần giá dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều này, Điều 28, Điều 29, Điều 30 của Nghị định này. Đối với các quy định về điều kiện, quy trình, thủ tục, phương thức, thẩm

quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

3. *Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao hoặc yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo”.*

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội **thuộc loại hình chưa tự bảo đảm chi thường xuyên** thực hiện giao dự toán theo định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025.

Đến nay, Thành phố chưa có quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước.

Việc ban hành giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước làm căn cứ để **chuyển từ cơ chế hỗ trợ theo hình thức cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng**, giao nhiệm vụ; làm cơ sở xác định và nâng mức tự chủ đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập theo quy định tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC và có cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng (*khoản 3 Điều 6 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP*).

Đồng thời, nhằm đẩy mạnh tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục đào tạo; tại hội nghị lần thứ 6, Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế Thành phố, nhiệm kỳ 2020-2025 đã có Thông báo số 14-TB/BCĐ ngày 26/12/2022, theo đó kết luận chỉ đạo như sau: “*Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo hoàn thiện Đề án đánh giá thực trạng biên chế sự nghiệp khối giáo dục và các quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ giáo dục đào tạo, trình Ban Thường vụ Thành ủy (trình Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nếu xét thấy cần thiết) cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm 2023 để triển khai áp dụng trong năm học 2023-2024 đảm bảo chặt chẽ, chính xác, hợp lý, có thể thí điểm thực hiện theo lộ trình.*”

Xuất phát từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc ban hành giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội là cần thiết.

III. THẨM QUYỀN BAN HÀNH

- Tại khoản 3 Điều 22 Luật giá năm 2012, quy định: “3. Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 19 của Luật này theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ.”

- Tại điểm 3 khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP, quy định: “3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với: ... dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).”

- Tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định chung về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo khi thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu như sau: “Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao hoặc yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo.”

Căn cứ các quy định trên, việc ban hành Nghị quyết quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

IV. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội làm căn cứ để **chuyển từ cơ chế hỗ trợ theo hình thức cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng; nâng mức tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.**

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Giá, Luật Giáo dục và các văn bản liên quan.

V. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2021

Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc loại hình chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội thực hiện theo định mức phân bổ chi thường xuyên quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành

phổ (Nghị quyết: số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016, số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022);

Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính, các đơn vị đã chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm căn cứ điều hành và thực hiện dự toán thu chi ngân sách trong năm; các đơn vị đã chủ động trong việc sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí, nâng cao chất lượng dạy và học, ưu tiên kinh phí phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, cuối năm hầu hết các đơn vị có kinh phí tiết kiệm để tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên.

2. Giai đoạn năm 2022, 2023

Năm 2022: Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, khi chưa xây dựng được giá dịch vụ, việc giao dự toán ngân sách sẽ giao vào kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên. Thực hiện theo quy định của Trung ương và Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo đã báo cáo về việc điều hòa, điều chỉnh ngân sách cuối năm đề nghị điều chỉnh kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên sang kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (kinh phí tự chủ); tuy nhiên theo quy định của Thành phố khi chưa có giá dịch vụ thì các đơn vị sự nghiệp công chưa tự đảm bảo chi thường xuyên phải thực hiện cắt giảm 2,5% tổng kinh phí ngân sách cấp theo định mức phân bổ; do vậy kinh phí chi phục vụ giảng dạy và học tập, kinh phí tiết kiệm để tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho cán bộ giáo viên của các đơn vị sự nghiệp công lập khó khăn hơn nhiều so với dự kiến kế hoạch.

Năm 2023: Đối với các đơn vị chưa phân loại tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, việc giao dự toán được thực hiện giao vào nguồn kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên, hiện nay các đơn vị chưa được xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC dẫn tới việc chi tiêu phục vụ các hoạt động chuyên môn gặp khó khăn.

VI. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN

- Ngày 23/5/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 1679/TTr-SGDĐT gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội”;

- Ngày 31/5/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1839/SGDĐT-KHTC về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội”;

- Ngày 31/5/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1840/SGDĐT-KHTC gửi Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

- Tiếp thu ý kiến góp ý của các đồng chí Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố về Tờ trình số 1679/TTr-SGDĐT; ngày 05/6/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo

có Tờ trình số 1881/TTr-SGDĐT gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội” (thay thế Tờ trình số 1679/TTr-SGDĐT ngày 23/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo);

- Ngày 05/6/2023, Ủy ban nhân dân Thành phố có Tờ trình số 161/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

- Ngày 05/6/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1879/SGDĐT-KHTC về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội” trên Cổng thông tin điện tử Thành phố;

- Ngày 05/6/2023, Tổ chuyên gia có Báo cáo về việc xác định giá, đơn giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (Có báo cáo gửi kèm theo).

- Ngày 05/6/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 1882/SGDĐT-KHTC gửi Sở Tài chính về việc thẩm định giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (lần 2);

- Ngày 9/6/2023, Hội đồng nhân dân Thành phố có Công văn số 116/HĐND-VHXXH về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Ngày 13/6/2023, Sở Tài chính có Công văn số 3334/STC-QLG gửi Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định phưng án giá dịch vụ giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

- Ngày 14/6/2023, Sở Tư pháp có Báo cáo số 136/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội;

- Ngày 14/6/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 2038/TTr-SGDĐT gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội”.

VII. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG

1. Quy định của Trung ương

Tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, quy định:

“3. Giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trong đó, chi phí tiền lương trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo chế độ Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập

và theo định mức lao động, định mức chi phí (nếu có) do các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền. Riêng ... chi phí tiền lương, tiền công trong đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Biểu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với doanh nghiệp được ký hợp đồng đặt hàng, đấu thầu (hoặc được giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.”

Tại Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, quy định:

Điều 5. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành ..., trong đó:

a) Chi phí tiền lương trong giá dịch vụ sự nghiệp công tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp lương theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công hoặc tính theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước; định mức lao động do các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền quy định.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề.

Tại Điều 5, 6 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định:

Điều 5. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

1. Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được xác định theo các quy định của pháp luật về giá và quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

...Điều 6. Phương pháp định giá và thẩm quyền định giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Phương pháp định giá và cơ quan có thẩm quyền định giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được xác định theo quy định tại Luật Giá, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tại Điều 3, 4, 5 Thông tư số 25/2014/TT-BTC, quy định:

“Điều 3. Nguyên tắc định giá chung

1. Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ có tác động đến giá hàng hóa, dịch vụ.

Điều 4. Căn cứ định giá chung

1. Giá thành toàn bộ, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm định giá; mức lợi nhuận dự kiến; lộ trình điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Điều 5. Phương pháp định giá, lựa chọn phương pháp định giá

1. Phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Thông tư này bao gồm phương pháp so sánh và phương pháp chi phí.

2. Căn cứ đặc tính và giá trị sử dụng của từng loại hàng hóa, dịch vụ, các điều kiện cụ thể về sản xuất kinh doanh, về thị trường, lưu thông hàng hóa, dịch vụ cụ thể, tổ chức, cá nhân lựa chọn phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với hàng hóa, dịch vụ cần định giá."

2. Đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Nguyên tắc xây dựng giá

(1) Xác định toàn bộ cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội **thuộc địa bàn có khả năng xã hội hóa cao làm cơ sở** xác định giá dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực giáo dục theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Lý do đề xuất nguyên tắc:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từ năm học 2022 - 2023 như sau: "a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân nhưng tối đa không vượt 7,5%/năm".

Hiện nay, định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố cao hơn so với mức trần quy định nêu trên¹.

¹ Ví dụ:

- Học sinh Tiểu học năm học 2022-2023: Khu vực thành thị định mức phân bổ là 5.800 đồng/học sinh/năm, giá trần theo quy định tại Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ là 540.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm = 4.860.000 đồng/học sinh/năm như vậy mức giá trần trong khung quy định của Chính phủ chỉ bằng 83% so với định mức phân bổ ngân sách hiện nay;
- Học sinh trung học cơ sở năm học 2022-2023: Khu vực thành thị định mức phân bổ là 7.800.00 đồng/học sinh/năm, giá trần theo quy định tại Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ là 650.000 đồng/học sinh/tháng x 9

Từ những lý do nêu trên, đề xuất nguyên tắc xác định toàn bộ cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội **thuộc địa bàn có khả năng xã hội hóa cao**.

(2) Khảo sát mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề (2020, 2021, 2022) theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP để làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ giáo dục;

(3) Giá dịch vụ giáo dục xây dựng trên cơ sở chi phí của các cơ sở giáo dục có quy mô phổ biến (phổ biến cùng quy mô lớp/cơ sở giáo dục và quy mô học sinh/lớp) và được điều chỉnh để đảm bảo chi phí đào tạo trong điều kiện bình thường (*không ảnh hưởng của dịch bệnh*); điều chỉnh theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng và chỉ số chỉ số giá tiêu dùng...; chưa bao gồm: chi phí khấu hao², chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục³, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...; không tính lợi nhuận trong phương án giá (*do thuộc Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước*);

(4) Xây dựng hệ số điều chỉnh giá dịch vụ đối với các cơ sở giáo dục có quy mô lớp/cơ sở giáo dục và quy mô học sinh/lớp khác với quy mô phổ biến;

(5) Giá dịch vụ giáo dục không thấp hơn định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025.

b) Phương pháp xây dựng giá

Theo quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC, phương pháp xác định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ được xác định bằng hai phương pháp định giá là: **phương pháp chi phí và phương pháp so sánh**.

Do hiện nay trên phạm vi cả nước chưa có tỉnh, thành phố nào ban hành đơn giá dịch vụ lĩnh vực giáo dục; để kịp thời trình Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp tháng 7/2023, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất sử dụng **phương pháp chi phí** để xây dựng giá dịch vụ giáo dục trên cơ sở mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề (2020, 2021, 2022) theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

tháng/năm = 5.850.000 đồng/học sinh/năm như vậy mức giá trần trong khung quy định của Chính phủ chỉ bằng 75% so với định mức phân bổ ngân sách hiện nay;

- Học sinh trung học phổ thông năm học 2022-2023: Khu vực thành thị định mức phân bổ là 8.700.000 đồng/học sinh/năm, giá trần theo quy định tại Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ là 650.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng/năm = 5.850.000 đồng/học sinh/năm như vậy mức giá trần trong khung quy định của Chính phủ chỉ bằng 67,24% so với định mức phân bổ ngân sách hiện nay.

² Chi phí 3 năm liền kề (năm: 2020, 2021, 2022) không bao gồm chi phí khấu hao; kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị chuyên dùng; kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa công trình theo quy định được ngân sách cấp đảm bảo từ nguồn kinh phí không thường xuyên...

³ Dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp tục chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai rà soát để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật để khi ban hành khung định mức kinh tế kỹ thuật đảm bảo phù hợp với thực tế và đúng quy định. Sau khi định mức kinh tế kỹ thuật được ban hành là căn cứ xây dựng giá dịch vụ theo đúng quy định (*giá tính đúng, tính đủ theo quy định của Trung ương*).

VIII. VỀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Do số các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Thành phố nhiều (khoảng 2.245 cơ sở giáo dục), quy mô lớp/cơ sở giáo dục, quy mô học sinh bình quân/lớp và quỹ lương của các cơ sở giáo dục có sự khác biệt nhiều. Xây dựng giá trên cơ sở khảo sát chi phí bình quân của 3 năm liên kề (năm 2020, 2021, 2022) dẫn tới giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách Nhà nước khi áp dụng vào các cơ sở giáo dục công lập sẽ có những bất cập. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế Thành phố, nhiệm kỳ 2020-2025 tại Thông báo số 14-TB/BCĐ ngày 26/12/2022, UBND Thành phố đề xuất:

(1) Năm học 2023-2024: Thực hiện lộ trình đặt hàng giá dịch vụ giáo dục đối với một số cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và dự kiến triển khai tại một số cấp học của 6 quận, huyện: Thanh Trì, Sóc Sơn, Ba Vì, Cầu Giấy, Hoàn Kiếm, Nam Từ Liêm.

(2) Từ Năm học 2024-2025 trở đi: Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thiện và ban hành khung định mức kinh tế kỹ thuật để làm cơ sở xác định giá dịch vụ giáo dục mầm non, phổ thông để đặt hàng cho tất cả các đơn vị trên toàn địa bàn Thành phố (*giá tính đúng, tính đủ theo quy định của Trung ương*).

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định: "*Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo quy định tại Nghị định này*".

Quy định giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội là cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, không tăng thu từ người học.

Nguồn thu từ ngân sách đặt hàng làm cơ sở để phân loại, xác định mức tự đảm bảo chi thường xuyên và giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công từ năm 2023 theo quy định tại Thông tư 56/2022/TT-BTC; theo quy định trên thì các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập sẽ được nâng mức tự bảo đảm chi thường xuyên so với giai đoạn trước và được tự chủ tài chính theo quy định (được trích lập các quỹ để chi trả thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi, khen thưởng... cho cán bộ, giáo viên, nhân viên).

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Sở Tài chính để áp đơn giá và so

sánh với ngân sách cấp theo định mức phân bổ ngân sách, về cơ bản giá dịch vụ giáo dục phù hợp với định mức phân bổ ngân sách theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

X. BỐ CỤC, NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết: Gồm 02 Điều

Điều 1. Thông qua quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội*).

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

2.3. Đơn giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (*theo các phụ lục đính kèm*).

2.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2.5. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2023 - 2024 đến khi thực hiện theo phương án giá mới (*đơn giá tính đúng, tính đủ theo quy định của Trung ương*).

2.6. Tổ chức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết (*có thể thí điểm thực hiện theo lộ trình*).

b) Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo đúng quy định.

XI. THỜI GIAN DỰ KIẾN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI xem xét, thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023.

(Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố gửi kèm theo)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội, kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXH, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 12**

(Từ ngày .../7/2023 đến ngày .../7/2023)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hành hóa, dịch vụ;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số/BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội).

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Đơn giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (theo phụ lục đính kèm).

4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2023 - 2024 đến khi thực hiện theo phương án giá mới (đơn giá tính đúng, tính đủ theo quy định của Trung ương).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết (có thể thực hiện lộ trình đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội).

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các đơn vị có liên quan báo cáo, trình

Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**PHỤ LỤC: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON,
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT SỬ DỤNG NGÂN
SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số ... /2023/NQ-HĐND ngày ... / 7 / 2023

của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Đơn giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập của thành phố Hà Nội theo quy mô học sinh bình quân/lớp (thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo), cụ thể:

Số TT	Cấp học/vùng/cơ sở giáo dục	Đơn giá (nghìn đồng/học sinh/năm học)
1	Trẻ em Mầm non	
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.400
2	Học sinh Tiểu học	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.500
3	Học sinh Trung học cơ sở	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.450
4	Học sinh Trung học phổ thông	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	9.600
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	25.550
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	24.600
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	27.250

Ghi chú: Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

(1) Đơn giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục
(Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp)

Cấp Mầm non				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 8 lớp	Từ 9 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,10	1,00

Cấp Tiểu học				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 9 lớp	Từ 10 đến 19 lớp	Từ 20 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,15	1,00

Cấp Trung học cơ sở			
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,27	1,00

Cấp Trung học phổ thông				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 đến 29 lớp	Từ 30 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,10	1,05	1,00

Ghi chú:

- Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, Cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật học hòa nhập áp dụng hệ số điều chỉnh quy định đối với cấp học cao nhất.
- Không áp dụng đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú; Cơ sở giáo dục có lớp trung học phổ thông chuyên.

(2) Đơn giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ) bình quân/lớp (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp học Mầm non							
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 15 trẻ em	Từ 15 đến 19 trẻ em	Từ 20 đến 24 trẻ em	Từ 25 đến 29 trẻ em	Từ 30 đến 34 trẻ em	Từ 35 đến 39 trẻ em	Từ 40 trẻ em trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,67	1,25	1,00	0,98	0,96	0,95

Cấp phổ thông								
Quy mô học sinh bình quân/lớp	Dưới 20 học sinh	Từ 20 đến 24 học sinh	Từ 25 đến 29 học sinh	Từ 30 đến 34 học sinh	Từ 35 đến 39 học sinh	Từ 40 đến 44 học sinh	Từ 45 đến 49 học sinh	Từ 50 học sinh trở lên
Hệ số điều chỉnh giá cấp Tiểu học	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,94	0,92
Hệ số điều chỉnh giá cấp trung học cơ sở	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,95	0,93
Hệ số điều chỉnh giá Trung học phổ thông	Đặc thù	1,80	1,50	1,29	1,13	1,00	0,97	0,95

Ghi chú:

- Đối với các lớp trong cơ sở giáo dục dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập tính hệ số điều chỉnh cho học sinh bình thường theo số học sinh (gồm cả học sinh khuyết tật)/lớp.

- Không áp dụng đối với các lớp phổ thông dân tộc nội trú; lớp trung học phổ thông chuyên, học sinh khuyết tật.

(3) Giá dịch vụ đặt hàng đối với cơ sở giáo dục (không bao gồm các cơ sở giáo dục có quy mô đặc thù)

Giá dịch vụ = Đơn giá x Hệ số điều chỉnh theo quy mô học sinh bình quân/lớp x Hệ số điều chỉnh theo quy mô số lớp/cơ sở giáo dục.

2. Đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục có quy mô số lớp/cơ sở giáo dục, số học sinh bình quân/lớp đặc thù được quy định tại nội dung 1 nêu trên và các cơ sở giáo dục khi áp giá theo quy định tại nội dung 1 nêu trên sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo về chi khác tối thiểu theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố

Giá đặt hàng = Quỹ tiền lương, tiền công + Chi khác tối thiểu x 90% (Mức chi khác đối với học sinh mầm non 2.000.000 đồng/học sinh/năm; học sinh tiểu học 1.500.000 đồng/học sinh/năm; học sinh trung học cơ sở 1.900.000 đồng/học sinh/năm; học sinh trung học phổ thông 2.000.000 đồng/học sinh/năm; học sinh khuyết tật 6.200.000 đồng/học sinh/năm; học sinh trung học phổ thông chuyên 9.000.000 đồng/học sinh/năm; học sinh phổ thông dân tộc nội trú 10.000.000 đồng/học sinh/năm).

Ghi chú:

Quỹ tiền lương, tiền công = Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm đặt hàng, được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ; Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng, được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương bậc 1/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND
Dur thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 12**

(Từ ngày .../7/2023 đến ngày .../7/2023)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hành hóa, dịch vụ;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết “Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số/BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập của thành phố Hà Nội thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội).

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Dự kiến giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (theo phụ lục đính kèm).

4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

b) Nguồn thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

5. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2023 - 2024 đến khi thực hiện theo phương án giá mới (đơn giá tính đúng, tính đủ theo quy định của Trung ương).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết (có thể thí điểm thực hiện theo lộ trình).

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các đơn vị có liên quan báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh theo đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**PHỤ LỤC: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON,
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT SỬ DỤNG NGÂN
SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số ... /2023/NQ-HĐND ngày ... / 7 / 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Đơn giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên biệt công lập của thành phố Hà Nội theo quy mô học sinh bình quân/lớp (*thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*), cụ thể:

Số TT	Cấp học/vùng/cơ sở giáo dục	Đơn giá (nghìn đồng/học sinh/năm học)
1	Trẻ em Mầm non	
	Cơ sở giáo dục có quy mô trẻ em bình quân /lớp từ 25 đến dưới 30 trẻ em	12.400
2	Học sinh Tiểu học	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	7.500
3	Học sinh Trung học cơ sở	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 35 đến dưới 40 học sinh	9.450
4	Học sinh Trung học phổ thông	
	Cơ sở giáo dục có quy mô học sinh bình quân /lớp từ 40 đến dưới 45 học sinh	9.600
5	Học sinh Trung học phổ thông hệ chuyên	25.550
6	Học sinh phổ thông dân tộc nội trú	24.600
7	Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục	27.250

Ghi chú: Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp; khi tính số học sinh bình quân/lớp được làm tròn số bằng cách: Chữ số sau chữ số đơn vị số học sinh bình quân/lớp nếu bằng 5 trở lên thì được tăng thêm 1 đơn vị; nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

Giá dịch vụ đảm bảo dạy học trong điều kiện bình thường (không ảnh hưởng của dịch bệnh), theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng. Giá chưa bao gồm: chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, học bổng học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú và kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên...

(1) Đơn giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô lớp/cơ sở giáo dục
(Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp)

Cấp Mầm non				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 8 lớp	Từ 9 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,10	1,00

Cấp Tiểu học				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 5 lớp	Từ 5 đến 9 lớp	Từ 10 đến 19 lớp	Từ 20 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,30	1,15	1,00

Cấp Trung học cơ sở			
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,27	1,00

Cấp Trung học phổ thông				
Quy mô lớp/cơ sở giáo dục	Dưới 8 lớp	Từ 8 đến 14 lớp	Từ 15 đến 29 lớp	Từ 30 lớp trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,10	1,05	1,00

Ghi chú:

- Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, Cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật học hòa nhập áp dụng hệ số điều chỉnh quy định đối với cấp học cao nhất.
- Không áp dụng đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú; Cơ sở giáo dục có lớp trung học phổ thông chuyên.

(2) Đơn giá dịch vụ giáo dục điều chỉnh theo quy mô học sinh (trẻ) bình quân/lớp (*Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo gọi chung là lớp*)

Cấp học Mầm non							
Quy mô trẻ em bình quân/lớp	Dưới 15 trẻ em	Từ 15 đến 19 trẻ em	Từ 20 đến 24 trẻ em	Từ 25 đến 29 trẻ em	Từ 30 đến 34 trẻ em	Từ 35 đến 39 trẻ em	Từ 40 trẻ em trở lên
Hệ số điều chỉnh giá	Đặc thù	1,67	1,25	1,00	0,98	0,96	0,95

Cấp phổ thông								
Quy mô học sinh bình quân/lớp	Dưới 20 học sinh	Từ 20 đến 24 học sinh	Từ 25 đến 29 học sinh	Từ 30 đến 34 học sinh	Từ 35 đến 39 học sinh	Từ 40 đến 44 học sinh	Từ 45 đến 49 học sinh	Từ 50 học sinh trở lên
Hệ số điều chỉnh giá cấp Tiểu học	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,94	0,92
Hệ số điều chỉnh giá cấp trung học cơ sở	Đặc thù	1,60	1,33	1,14	1,00	0,97	0,95	0,93
Hệ số điều chỉnh giá Trung học phổ thông	Đặc thù	1,80	1,50	1,29	1,13	1,00	0,97	0,95

Ghi chú:

- Đối với các lớp trong cơ sở giáo dục dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập tính hệ số điều chỉnh cho học sinh bình thường theo số học sinh (gồm cả học sinh khuyết tật)/lớp.

- Không áp dụng đối với các lớp phổ thông dân tộc nội trú; lớp trung học phổ thông chuyên, học sinh khuyết tật.

(3) Giá dịch vụ đặt hàng đối với cơ sở giáo dục (không bao gồm các cơ sở giáo dục có quy mô đặc thù)

Giá dịch vụ = Đơn giá x Hệ số điều chỉnh theo quy mô học sinh bình quân/lớp x Hệ số điều chỉnh theo quy mô số lớp/cơ sở giáo dục.

2. Đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục có quy mô số lớp/cơ sở giáo dục, số học sinh bình quân/lớp đặc thù được quy định tại nội dung 1 nêu trên và các cơ sở giáo dục khi áp giá theo quy định tại nội dung 1 nêu trên sau khi tính trừ quỹ lương, chi khác còn lại không đảm bảo về chi khác tối thiểu theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố

Giá đặt hàng = Quỹ tiền lương, tiền công + Chi khác tối thiểu x 90% (Mức chi khác đối với học sinh mầm non 2.000.000 đồng/học sinh/năm; học sinh tiểu học 1.500.000 đồng/học sinh/năm; học sinh trung học cơ sở 1.900.000 đồng/học sinh/năm; học sinh trung học phổ thông 2.000.000 đồng/học sinh/năm; học sinh khuyết tật 6.200.000 đồng/học sinh/năm; học sinh trung học phổ thông chuyên 9.000.000 đồng/học sinh/năm; học sinh phổ thông dân tộc nội trú 10.000.000 đồng/học sinh/năm).

Ghi chú:

Quỹ tiền lương, tiền công = Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt tính đến thời điểm đặt hàng, được xác định trên cơ sở mức lương thực tế theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ; Quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển dụng, được xác định theo mức lương cơ sở, hệ số lương bậc 1/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.